

GIÁO TRÌNH NGỮ PHÁP CHUYÊN SÂU: CẤU TRÚC "WOULD RATHER" VỚI HAI CHỦ NGỮ

LỜI MỞ ĐẦU CHO GIẢNG VIÊN

Cấu trúc "**Would rather**" khi đi với hai chủ ngữ độc lập (S_1 và S_2) thuộc phạm trù ngữ pháp **Giả định cách (Subjunctive Mood)**. Đây là điểm ngữ pháp cực kỳ quan trọng và thường xuyên xuất hiện trong các bài thi chứng chỉ quốc tế cũng như các kỳ thi THPT Quốc gia tại Việt Nam. Mục tiêu cốt lõi của bài học này là giúp học viên phân biệt được tính chất "trái thực tế" của hành động để lùi thì một cách chính xác.

I. Cấu Trúc Giả Định Ở Hiện Tại Hoặc Tương Lai

Cấu trúc này được áp dụng khi người nói (S_1) muốn một người khác (S_2) thực hiện hoặc không thực hiện một hành động nào đó ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai. Tuy nhiên, mong muốn này thường *trái với thực tế thực tại* hoặc trái với dự định ban đầu của người kia.

1. Thể khẳng định

Công thức: $S_1 + \text{would rather (that)} + S_2 + V_2/\text{ed} / V_{\text{bất quy tắc}}$ (Quá khứ đơn)

Lưu ý đặc biệt: Nếu động từ trong mệnh đề giả định là động từ **To be**, ta bắt buộc phải sử dụng **were** cho **tất cả các ngôi** (I, you, he, she, it, we, they) để thể hiện đúng tính chất trang trọng của câu giả định.

Ví dụ mẫu và phân tích chi tiết:

Ví dụ 1: *I'd rather you stayed at home tonight instead of going out.*

→ **Dịch nghĩa:** Tôi muốn bạn ở nhà tối nay thay vì đi chơi.

→ **Phân tích chuyên sâu:** Bản chất ở hiện tại là người nghe đang có ý định đi ra ngoài chơi. Lời nói của S_1 thể hiện một mong muốn trái ngược với dự định đó, do đó động từ "stay" được chia ở thì quá khứ đơn thành "stayed".

Ví dụ 2: *The teacher would rather that Tim were more attentive in class.*

→ **Dịch nghĩa:** Giáo viên muốn Tim chú ý nghe giảng hơn ở trên lớp.

→ **Phân tích chuyên sâu:** Thực tế hiện tại là Tim đang lơ là, không tập trung. Mong muốn của giáo viên trái với thực tế hiện tại, động từ **To be** lùi về quá khứ và dùng **were** cho ngôi thứ ba số ít (Tim).

2. Thể phủ định

Dùng để diễn tả mong muốn ai đó **đừng hoặc không** làm một việc gì đó ở hiện tại hoặc tương lai.

Công thức: $S_1 + \text{would rather (that)} + S_2 + \text{didn't} + V\text{-inf}$ (Động từ nguyên thể)

Ví dụ mẫu và phân tích chi tiết:

Ví dụ 3: *Jack would rather I didn't say anything about the missing money.*

→ **Dịch nghĩa:** Jack muốn tôi đừng nói gì về số tiền bị mất.

→ **Phân tích chuyên sâu:** Việc "nói về số tiền" là điều có thể xảy ra hoặc người nói đang có ý định nói. Jack muốn ngăn chặn điều này ở hiện tại nên ta mượn trợ động từ phủ định phủ định "didn't" kèm động từ nguyên mẫu "say".

II. Cấu Trúc Giả Định Ở Quá Khứ

Cấu trúc này dùng để diễn tả một mong muốn, một sự giả định hoặc một **sự hối tiếc** về một sự việc *đã xảy ra hoặc không xảy ra trong quá khứ*. Mong muốn này hoàn toàn trái ngược với thực tế khách quan đã diễn ra.

1. Thể khẳng định

Công thức: $S_1 + \text{would rather (that)} + S_2 + \text{had} + V_3/\text{ed}$ (Quá khứ hoàn thành)

Ví dụ mẫu và phân tích chi tiết:

Ví dụ 4: *Jim would rather that Jill had gone to class yesterday.*

→ **Dịch nghĩa:** Jim muốn là hôm qua Jill đã đi học.

→ **Phân tích chuyên sâu:** Trạng ngữ thời gian "yesterday" xác định ngữ cảnh quá khứ. Thực tế hôm qua Jill đã nghỉ học (vắng mặt). Lời cầu ước của Jim trái ngược hoàn toàn với thực tế quá khứ nên động từ "go" được đẩy về quá khứ hoàn thành là "had gone".

2. Thể phủ định

Công thức: $S_1 + \text{would rather (that)} + S_2 + \text{hadn't} + V_3/\text{ed}$

Ví dụ mẫu và phân tích chi tiết:

Ví dụ 5: *My parents would rather my brother hadn't bought that expensive car last week.*

- **Dịch nghĩa:** Bố mẹ tôi muốn anh trai tôi đừng mua chiếc xe hơi đắt tiền đó vào tuần trước.
- **Phân tích chuyên sâu:** Thực tế trong quá khứ (last week) người anh trai đã mua xe rồi. Bố mẹ thể hiện sự nuối tiếc và ước điều ngược lại nên dùng cấu trúc phủ định quá khứ "hadn't bought".

III. Cấu Trúc So Sánh Lựa Chọn (Than)

Khi giảng viên muốn hướng dẫn học viên diễn đạt ý niệm: "Chủ ngữ 1 muốn Chủ ngữ 2 làm việc này hơn là làm việc kia", chúng ta sử dụng từ nối **"than"** để liên kết hai vế hành động.

Công thức: S₁ + would rather + S₂ + V₂/ed + than + V-inf

Lưu ý cốt lõi: Động từ đứng sau **than** sẽ ở dạng **nguyên thể không To (V-inf)** do chịu tác động gián tiếp từ cấu trúc so sánh song song của toàn câu.

Ví dụ mẫu và phân tích chi tiết:

Ví dụ 6: *The pilot would rather the terrorists got what they demanded than threaten the passengers.*

- **Dịch nghĩa:** Cơ trưởng muốn bọn khủng bố lấy được thứ chúng đòi hỏi hơn là đe dọa hành khách.
- **Phân tích chuyên sâu:** Hành động thứ nhất chia theo quy tắc giả định hiện tại ("got" - quá khứ của get), hành động thứ hai đứng sau "than" được giữ nguyên thể ("threaten").

IV. Danh Mục Trọng Tâm Động Từ Bất Quy Tắc (Word Family)

Vì tính chất bắt buộc của cấu trúc **Would rather** hai chủ ngữ là phải **lùi thì**, học viên cần thuộc lòng các động từ bất quy tắc phổ biến để tránh mất điểm đáng tiếc. Dưới đây là bảng tổng hợp các từ hay gặp nhất trong đề thi:

Động từ nguyên thể (V-inf)	Quá khứ đơn (V ₂)	Quá khứ hoàn thành (V ₃)	Ý nghĩa tiếng Việt
Say	said	said	Nói, phát biểu
Tell	told	told	Kể, bảo, nói với ai
Go	went	gone	Đi, di chuyển
Give	gave	given	Cho, tặng, đưa cho
Ring	rang	rung	Rung chuông, gọi điện
Take	took	taken	Cầm, nắm, lấy, dẫn đi

Động từ nguyên thể (V-inf)	Quá khứ đơn (V ₂)	Quá khứ hoàn thành (V ₃)	Ý nghĩa tiếng Việt
Buy	bought	bought	Mua sắm

V. Bài Tập Thực Hành Ngay Tại Lớp (10 Câu)

Yêu cầu: Chia động từ trong ngoặc đúng dạng ngữ pháp để hoàn thành các câu giả định sau.

1. I would rather you (not / tell) _____ her the truth right now. She is very emotional.
2. Mary's boss would rather she (finish) _____ the report yesterday afternoon.
3. We would rather our neighbors (not / ring) _____ the doorbell at midnight last night.
4. Tommy would rather his parents (give) _____ him a laptop for his next birthday instead of a bike.
5. The manager would rather that the staff (be) _____ more punctual in future meetings.
6. I would rather you (go) _____ to the supermarket with me now than stay home alone.
7. He would rather his roommate (say) _____ sorry to him after that heated argument yesterday.
8. We would rather you (not / take) _____ our documents without permission at the moment.
9. The landlord would rather the tenants (pay) _____ the rent on time last week.
10. She would rather her daughter (spend) _____ more time reading books than watch TV.

VI. Đáp Án Chi Tiết Và Giải Thích Ngữ Cảnh

STT	Đáp án đúng	Giải thích chi tiết ngữ cảnh bài làm
1	didn't tell	Dấu hiệu "right now" (hiện tại). Câu phủ định giả định hiện tại áp dụng công thức: didn't + V-inf.
2	had finished	Dấu hiệu "yesterday afternoon" (quá khứ). Diễn tả sự nuối tiếc một việc đáng lẽ nên làm trong quá khứ → Dùng Quá khứ hoàn thành.
3	hadn't rung	Dấu hiệu "last night" (quá khứ). Thực tế đêm qua hàng xóm đã bấm chuông. Giả định điều ngược lại trong quá khứ dạng phủ định: hadn't + V ₃ (rung).
4	gave	Dấu hiệu "next birthday" (tương lai). Giả định một mong muốn ở tương lai trái ý muốn hiện tại → Dùng Quá khứ đơn. Từ "give" chuyển thành "gave".
5	were	Dấu hiệu "in future meetings" (tương lai). Câu giả định với động từ To be ở tương lai/hiện tại bắt buộc dùng "were" cho mọi ngôi (the staff).
6	went	Dấu hiệu "now" (hiện tại). Mong muốn ai đó làm gì ở hiện tại → Dùng Quá khứ đơn. Từ "go" đổi thành "went". Động từ sau "than" giữ nguyên thể ("stay").
7	had said	Dấu hiệu "yesterday" (quá khứ). Thực tế hôm qua người bạn cùng phòng đã không xin lỗi. Ước trái quá khứ → Dùng Quá khứ hoàn thành "had said".
8	didn't take	Dấu hiệu "at the moment" (hiện tại). Mong muốn phủ định ở hiện tại: mượn "didn't" + V-inf ("take").
9	had paid	Dấu hiệu "last week" (quá khứ). Thực tế tuần trước người thuê nhà trả muộn. Mong ước trái thực tế quá khứ → Dùng Quá khứ hoàn thành "had paid".
10	spent	Ngữ cảnh giả định thói quen lựa chọn chung ở hiện tại. Áp dụng cấu trúc so sánh: V ₂ ở vế đầu ("spent") và động từ nguyên mẫu ở vế sau "than" ("watch").

Lời nhắn từ Mr. Lê Đại Phong:

Nếu các em có thắc mắc ngữ pháp cần giải đáp, hãy liên hệ Phone+Zalo: **0971386608** hoặc truy cập website:
www.tienganhhaiphong.vn

↓ CLICK HERE ➡ để luyện thi cấp tốc nhé! ↓